TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THỦY** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày 10-01-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Thùy Hương;
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Hoàng Văn Tý;

Bà Hồ Thị Thẩm Thúy Hằng;

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Võ Trung Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 271/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 598/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Đường Trần Quang D, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

2.Bị đơn: Ông Nguyễn Thái B, sinh năm 1976

Địa chỉ: Đường Trần Quang D, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn có mặt; Bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn ngày 11/6/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng T trình bày:

Bà và ông B tự nguyện kết hôn vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Đ. Trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Ông bà đã sống ly thân nhau khoảng 05 năm nay nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông B.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có một con chung tên Nguyễn Hoàng K(nữ), sinh ngày 15/4/2006. Bà T có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Thái B, Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông B vẫn cố tình vắng mặt. Tuy nhiên Tòa án có nhận được bản tự khai của ông B có ý kiến trình bày như sau: Ông B mong muốn bà T rút lại đơn xin ly hôn với ông vì ông còn thương vợ con, không muốn chia tay với bà T. Phía bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông B theo thủ tục niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Về quan điểm giải quyết vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà T. Chấp nhận giao con chưa thành niên cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu bị đơn ông B cấp dưỡng nuôi con cũng như không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Hoàng T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thái B có địa chỉ: Số 172/9 đường Trần Quang Diệu, phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28 và Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thái B được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia hòa giải nhưng ông B cố tình vắng mặt. Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết công khai xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đến nay, ông B vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ vào Khoản 2, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông B.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông B tự nguyện kết hôn năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Đ. Hôn nhân của bà T và ông B là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận.

Trong cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông B thường phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau. Nguyên nhân là do ông bà không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Ông bà đã sống ly thân với nhau khoảng 05 năm nay nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa bà T trình bày từ khi vợ chồng sống ly thân nhau, hai bên không còn liên lạc, mỗi người có cuộc sống riêng nên không thể hàn gắn, đoàn tụ được nữa nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết được ly hôn với ông B.

Theo bản tự khai ngày 25/9/2018 của bị đơn gửi cho Tòa án, ông B trình bày ý kiến mong muốn đoàn tụ với bà T. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn ông B nhưng ông B cố tình vắng mặt. Điều này chứng tỏ bị đơn ông B không có thiện chí để đoàn tụ gia đình với bà T.

Từ những lý do trên cho thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông B đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà T yêu cầu được ly hôn với ông B là có cơ sở, phù hợp với căn cứ cho ly hôn tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có một con chung tên Nguyễn Hoàng K(nữ), sinh ngày 15/4/2006. Hiện con chung đang sinh sống cùng bà T. Tại phiên tòa bà yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cho bà được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông B cấp dưỡng.

Tại bản tự khai của Nguyễn Hoàng K ghi nhận nguyện vọng của K là sau khi cha mẹ ly hôn được tiếp tục sống với bà T.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện nay K do bà T chăm sóc, nuôi dưỡng và xem xét nguyện vọng của K. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đồng thời dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông B, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà T không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.2] Về Tài sản chung, nợ chung: Tại phiên tòa bà T xác định có tài sản chung nhưng sẽ tự thỏa thuận với ông B, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông bà không có nợ chung. Tuy nhiên, do bị đơn ông B vắng mặt nên Tòa án không

đặt ra giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện vụ án độc lập để yêu cầu Tòa án giải quyết nếu có tranh chấp.

[3]Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện về ly hôn của nguyên đơn bà T được Tòa án chấp nhận nên bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hoàng T đối với ông Nguyễn Thái B về việc "Ly hôn".

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Hoàng T ly hôn với ông Nguyễn Thái B.

2.Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng K(nữ), sinh ngày 15/4/2006 cho bà Nguyễn Hoàng T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Thái B không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà T không yêu cầu.

Ông B có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét. Các đương sự có quyền khởi kiện vụ án độc lập để yêu cầu Tòa án giải quyết nếu có tranh chấp.

4.Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Hoàng T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000(*Ba trăm nghìn)*đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà T đã nộp là 300.000(*Ba trăm nghìn)*đồng theo biên lai thu số 009240 ngày 22/6/2018 tại Chi cục thi hành án Dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Bà T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Nơi nhận:
-Viện kiểm sát ND quận Bình Thủy;
-Chi cục THA DS quận Bình Thủy;
-UBND phường P, TP. H, T.Đ
(nơi đăng ký kết hôn);
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Thùy Hương